THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		17DNNA1	17DNNA2	18DNNA1	18DNNA2	18DNNA -Nhóm 1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA–Nhóm 3
2	S	**Ngữ nghĩa học** C. Loan – 4T P.20 -KHXH				**Dẫn luận ngôn ngữ Anh** T. Châu - 4t P.19 - KHXH	**Nghe nói C1.2** C. Ý – 4T P.30– K. KT&L	**Đọc hiểu C1.2** C. Oanh – 4t P. 31 - K. KT&L
	C					**Viết C1.2** C. An – 3T P. 23 - KHXH		
3	S		**Ngữ nghĩa học** C. Loan – 4T P.20 -KHXH			**Đọc hiểu C1.2** C. Oanh – 4t P. 31- K. KT&L		**Dẫn luận ngôn ngữ Anh** T. Châu - 4t P.19 - KHXH
	C	**Tiếng Anh thương mại** C. Thảo – 4T P.16 – K KT&CN	**Tiếng anh báo chí** C. Út – 3t P.30 – K.KT&L					
4	S		**Biên dịch** T. Châu - 4t P.22 - KHXH				Dẫn luận đất nước học Anh C. Sang – 4T P.17 – K.NN&TS	
	C	**Tiếng anh báo chí** C. Út – 3t P.22 - KHXH	**Tiếng Anh thương mại** C. Thảo – 4T P.31 – K.K&L					**Viết C1.2** C. An – 3T P. 30 – K. KT&L
5	S						**Dẫn luận ngôn ngữ Anh** T. Châu - 4t P.19 - KHXH	**Nghe nói C1.2** C. Út – 4T P. 16 – KT&CN
	C	**Cú pháp học** T. Út – 4T P. 32 – K KT&L	**Tiếng Anh du lịch** T. Thành – 4T P. 22 KHXH				**Thống kê xã hội học** T. Linh – 4t P.23 KHXH	
6	S	**Biên dịch** T. Châu - 4t				**Nghe nói C1.2** C. Út – 4T	**Đọc hiểu C1.2** T. Trung – 4T	**Thống kê xã hội học** T. Linh – 4t

		P.23 - KHXH				P. 16 – KT&CN	P.27-KT&L	P.31 K KT&L
	C		**Cú pháp học** T. Út – 4T P. 20 – KHXH			**Thống kê xã hội học** T. Linh – 4t P.22 KHXH	**Viết C1.2** C. Huyền – 3T P. 31 – K.KT&L	**Dẫn luận đất nước học Anh** T. Nghĩa – 3T P.16 –K.KT&CN
7	**S**			**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** T. Phước – 4T P.21 - KHXH				
	C	**Tiếng Anh du lịch** **T. Thành – 4T** **P. 30 K.KT&L**				**Dẫn luận đất nước học Anh** T. Nghĩa – 3T P.16 – K. KT&CN		

		19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3	20DNNA1 Nhóm 1	20DNNA2 Nhóm 2	20DNNA3 Nhóm 3	20DNNA1	20DNNA2
2	**S**	**Nghe-Nói B2.2** C. Út – 4T P. 23 – KHXH	**Viết B2.2** T. Út – 4T P. 32 – K. KT&L		**Triết học Mác – Lênin** T. Phương – 4T **P.18 - KHXH**				
	C	**Pháp luật đại cương** C. Khuyên – 4T P.31 – K.KT&L		**Nghe-Nói B2.2** C. Út – 4T P. 32 – K. KT&L		**Ngữ pháp cơ bản** C. Oanh – 3T P. A8 – KHXH		**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Bảo -4t** **P.18 -CS2**	
3	**S**	**CNXH khoa học** C. Trang – 3t **P.GĐ3 – K. KT&L**			**Ngữ âm thực hành cơ bản** C. Ý – 4T P.18 - KHXH				ĐK & B.Chuyền **T. Viên – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**
	C	**Viết B2.2** T. Út – 4T P. 22 – KHXH	**Tiếng Pháp căn bản 2** **T. Thoại – 4T** **P.19 – KHXH**	**Pháp luật đại cương** C. Khuyên – 4T P.21 - KHXH				ĐK & Pickleball **C. Thu – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Bảo -4t** **P. 20 – KHXH**

4	S	**Đọc hiểu B2.2** T. Trung – 4T P.16 – K. KT&CN		**Viết B2.2** T. Út – 4T P. 32 – K. KT&L	**Đọc hiểu B1** C. An – 4T P. 18 - KHXH	**Viết B1** C. Loan – 4T P.19 - KHXH	**Ngữ âm thực hành cơ bản** C. Ý – 4T P.31 – K. KT&L		
	C	**Tiếng Pháp căn bản 2** T. Tòng – 4T P.16 - K.KT&CN	**Pháp luật đại cương** C. Khuyên – 4T P.32 – KKT&L	**Đọc hiểu B2.2** T. Trung – 4T P.19 - KHXH			**Nghe-Nói B1** C. Huyền - 4T P.18 -KHXH	Năng lực số và Ứng dụng AI **T. Bảo -4t** **(Phòng máy)**	
5	S		**Tiếng Việt thực hành** C. Nương – 3T P. 23 - KHXH		**Viết B1** C. Loan – 4T P.22 - KHXH	**Ngữ âm thực hành cơ bản** C. Ý – 4T P.30 – K. KT&L	**Ngữ pháp cơ bản** T. Trung – 4T P.32 – K. KT&L		
	C		**Nghe-Nói B2.2** C. Sang – 4T P. 18 – KHXH	**Tiếng Việt thực hành** C. Nương – 4T P.19 - KHXH	**Nghe-Nói B1** C. Huyền - 4T P.21 -KHXH				**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Bảo -4t** **(Phòng máy)**
6	S	**Tiếng Việt thực hành** C. Nương – 3T P. 21 -KHXH			**Ngữ pháp cơ bản** C. Oanh – 4T P.30 – K. KT&L	**Nghe-Nói B1** C. Loan – 4T P.22 - KHXH	**Viết B1** **C. Sang – 4T** **P.25 -K.KT&L**		
	C	**Kỹ Năng giao tiếp** C. Vy – 4T P.18 – KHXH		**Tiếng Pháp căn bản 2** T. Tòng – 4T P.30 – K. KT&L				ĐK & Pickleball **C. Thu – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	ĐK & B.Chuyền **T. Viên – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**
7	S		**Đọc hiểu B2.2** C. Huyền – 4T P. 30 K. KT&L	**Kỹ Năng giao tiếp** T. Triều Dương – 4T P. 23 -KHXH			**Đọc hiểu B1** **C. Thảo – 4T** **P.31- KKT&L**		
	C		**Kỹ Năng giao tiếp** T. Triều Dương – 4T P. 22 -KHXH			**Đọc hiểu B1** **C. Thảo – 4T** **P.21– KHXH**			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2026

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	18DTVVHVN1+ 18DQTDL&LH	18DTVVHVN2 +19DVHDL
2	S		**Thực hành văn bản tiếng Việt** C. Nương – 4T P. 22 - KHXH			
	C		**Văn hoá Đông Nam Á** C. Liên – 3T P.30 – KHXH	**Thực hành văn bản tiếng Việt** **C. Nương – 4T** **P. 22 - KHXH**		
3	S		**Báo chí truyền thông đại cương** T. Lam - 4T P. 30 – K. KT&L			
	C	**Ngữ pháp chức năng** C. Liên – 4t **P.18 - KHXH**		Văn hoá Đông Nam Á C. Liên – 3T P. 32 – K. KT&L		
4	S	**Các tôn giáo trên thế giới và Việt Nam** C. Thu Trang – 4t P. 20 - KHXH	**Văn hoá ẩm thực Việt Nam** C Phương -3T P.25 - K. KT&L	**Báo chí truyền thông đại cương** T. Lam - 4T P. 30 – K. KT&L		
	C	**Nghiệp vụ tổ chức sự kiện và lễ hội** **C. Trân- 3T** **P. 11 – K.NN&TS**		**Văn hoá ẩm thực Việt Nam** C Phương -3T **P.21 - KHXH**		
5	S		**Kỹ thuật chụp ảnh và quay video**	**Kỹ năng thuyết minh du lịch**		

			T. Đặng Anh Rô – 4T **(Thực hành tại quãng trường Hùng Vương)**	**C. Trân – 4T P.17 – KT&L**		
	C		**Kỹ năng thuyết minh du lịch** C. Trân – 3T P.31 - K.KT&L	**Kỹ thuật chụp ảnh và quay video** T. Đặng Anh Rô – 4T **(Thực hành tại quãng trường Hùng Vương)**		
6	**S**	Văn hoá giao tiếp - ứng xử C. Trân – 4T P.32 - K.KT&L	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** C. Kiều – 4t **P.GĐ2 – K.KT&L**			
	C	**Phong cách học tiếng Việt** T. Ngọc – 3T P. 32 – K. KT&L			**Địa lí du lịch Việt Nam** C. Linh – 4T **(Thông báo lịch học sau)**	
7	**S**	**Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - nay) C. Vân – 4T P. 32 – K.KT&L**		**Kỹ thuật chụp ảnh và quay video** T. Đặng Anh Rô – 4T P. 20 – KHXH		
	C	**Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Hưng – 3t P.18 - KHXH**	**Kỹ thuật chụp ảnh và quay video** T. Đặng Anh Rô – 4T P. 20 – KHXH			**Địa lí du lịch Việt Nam** C. Linh – 4T P.32 – K.KT&L

Ghi chú: Tiếng Việt cho người nước ngoài – C. Trang – 2T sáng thứ 3 (P. LĐK)

		19DTVVHVN1	19DTVVHVN2	19DVHDL	19DTVVHVN1 +19DVHDL	20DTVVHVN1	20DTVVHVN2	20DTVVHVN3
2	**S**	**Văn hóa các dân tộc Việt Nam** C. Phương – 4T P.17 – K.NN&TS	Tổng quan du lịch C. Trân – 4T P.21 - KHXH	**Lịch sử văn minh TG** T. Hiếu – 4t P.16 – KT&CN				

	C	Tổng quan du lịch C. Trân – 4T P.19 - KHXH	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương – 4T **P.20 - KHXH**			**Lịch sử Việt Nam ĐC** T. Hiếu – 4t P.16 – K. KT&CN	**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Út Chính – 4t** (P. Máy 3)	**Triết học Mác – Lênin** T. Phương – 4T P.21 -KHXH
3	S	**Văn học Trung đại Việt Nam** **C. Nương – 4T** **P. 22 - KHXH**	**Môi trường và Phát triển** **C. Xuân – 4T** **P.23 – KHXH**	**Phương pháp NCKH** C. Phương – 4T P. 24 –K. KT&L		Tâm lý học đại cương **T. Công – 4t** **P.16 – K.KT&CN**	**Lịch sử Việt Nam ĐC** T. Hiếu – 4t P.21 – KHXH	Thống kê xã hội học **T. Minh – 4t** **P.32 K.KT&L**
	C	**CNXH khoa học** C. Trang – 3t **P. GĐ3 – K. KT&L**				**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Út Chính – 4t** (P. Máy 5)	**Thống kê xã hội học** T. Minh – 4t P.23 KHXH	**Lịch sử Việt Nam ĐC** T. Hiếu – 4t P.31 - K. KT&L
4	S	**Môi trường và Phát triển** **C. Xuân – 4T** **P.10 – K.NN&TS**	Từ vựng tiếng Việt **T. Hoàng – 4t** **P. 21 - KHXH**			**Ngôn ngữ học đại cương** T. Tùng – 4T P.23 - KHXH	C. Lông **T. Phúc – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	
	C	**Quản Trị văn phòng** C. Quế - 4T (Lịch học TB sau)				ĐK & C. Lông **T. Viên – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Út Chính – 4t** (P. Máy 3)	**Ngôn ngữ học đại cương** T. Tùng – 4T P.20 - KHXH
5	S	**Từ vựng tiếng Việt** T. Hoàng – 4t P.31 - K. KT&L	**Tiếng Anh căn bản 2** **C. An – 3T** **P. 18 - KHXH**			**Cơ sở văn hóa Việt Nam** C. Phương – 4T P.21 -KHXH	**Ngôn ngữ học đại cương** T. Tùng – 4T **P.20 - KHXH**	
	C		**Quản Trị văn phòng** C. Quế - 4T (Lịch học TB sau)			Thống kê xã hội học **T. Minh – 4t** **P.20 - KHXH**		**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Út Chính – 4t** (P. Máy 1)
6	S			Các tôn giáo trên thế giới và Việt Nam C. Thu Trang – 3t P. 20 - KHXH		ĐK & C. Lông **T. Viên – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	**Cơ sở văn hóa Việt Nam** C. Phương – 4T P.19 -KHXH	Điền kinh & Bóng Chuyền **T.Mai** **(Sân vận động tỉnh)**

	C		**Văn học Trung đại Việt Nam** **C. Nương – 3T** **P. 23 - KHXH**	Di tích - danh thắng Việt Nam C. Trân – 3T P.21 - KHXH		**Triết học Mác – Lênin** T. Phương – 4T **P. GĐ3 – K. KT&L**		**Cơ sở văn hóa Việt Nam** C. Phương – 4T P.19 – KHXH
7	S				**Tiếng Anh căn bản 2** **C. Loan – 4T** **P.18 - KHXH**		**Tâm lý học đại cương** T. Công – 4t P. 19 – KHXH	
	C					**Năng lực số và Ứng dụng AI** **T. Út Chính – 4t** (P. Máy 1)	Điền kinh **T. Phúc – 4t** **(Sân vận động tỉnh)**	**Tâm lý học đại cương** T. Công – 4t P. 19 - KHXH

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2026

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		18DKT1	18DKT2	18DTCNH	18DQTDL&LH	18DQTKD + 18DQTDL&LH	18DTVVHVN1+ 18DQTDL&LH
2	S	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** C. Kiều – 4t					
	C						
3	S			**Anh văn chuyên ngành** **T. Bảo – 4T**			
	C				**Tiếng Anh chuyên ngành DL&LH 2** T. Thành – 4T		

4	S						**Địa lí du lịch Việt Nam** C. Linh – 4T (Học từ tháng 10)
	C					**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** T. Phước – 4T	
5	S						
	C						
6	S						
	C						
7	S				**Tuyến điểm du lịch** **C. Trân – 4T**		
	C			**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** T. Phước – 4T			

		19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S						
	C						
3	S						**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Nghĩa - 4T**
	C						
4	S			**Tiếng Anh căn bản 3** **C. Thảo – 4T**	**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Nghĩa - 4T**	**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Bảo – 4t**	

	C						
5	**S**	**Tiếng Anh căn bản 3** C. Oanh – 4T		**CNXH khoa học** C. Trang – 3t			
	C					**CNXH khoa học** C. Trang – 3t	
6	**S**						
	C		**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Thành – 4T**				
7	**S**	**CNXH khoa học** C. Cẩm Lệ - 4T					
	C						

		20DTCNH1	20DTCNH1	20DKT1	20DKT2	20DQTKD
2	**S**					
	C			**Soạn thảo VB** C. Quế - 4T		
3	**S**					
	C					**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Hạnh - 4T**
4	**S**			**Triết học Mac – Lênin** T. Khang – 4T		
	C		**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Cầm – 4T**		**Tiếng Anh căn bản 1** T. Nam Trung - 4T	**Triết học Mac – Lênin** T. Khang – 4T
5	**S**			Tiếng Anh căn bản 1 C. Đào – 4T		

	C				**Soạn thảo VB** C. Quế - 4T	
6	**S**	**Triết học Mac – Lênin** **T. Khang – 4T**				
	C	**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Cầm – 4T**				
7	**S**	**Soạn thảo văn bản** C. Quyên – 4T				
	C		**Soạn thảo văn bản** C. Quyên – 4T			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNTT1	19DCNTT2	19DCNPM	20DCNTT1	20DCNTT2	20DCNPM
2	**S**				**Tiếng Anh căn bản 3** C. An – 4T		**Tiếng Anh căn bản 3** C. Sang -4T			
	C									
3	**S**				**CNXH khoa học** **C. Thoảng -4T**					

	C							**Triết học Mác – Lênin T. Hiệp - 4t**		
4	S									
	C									**Triết học Mác – Lênin T. Hiệp - 4t**
5	S					**Tiếng Anh căn bản 3** T. Bảo – 4T			**Tiếng Anh cơ bản 1** T. Đồng – 4T	
	C									
6	S									
	C									
7	S									
	C	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** C. Kiều – 4t						**Tiếng Anh cơ bản 1** T. Tài – 4T		**Tiếng Anh cơ bản 1 T. Hải – 4T**

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		20SPT	20DSPH	20DSPS	18CGDMN	19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3
2	S							
	C							
3	S							
	C	**Triết học Mác – Lênin** T. Phương – 4T GĐ5						
4	S						**Tiếng Anh căn bản 2**	

							C. Oanh – 4T	
	C				**Đường lối CM của Đảng CSVN** C. Kiều – 3T	**CNXH khoa học** **C. Thoảng -4T** **GĐ5**		
5	S							**Tiêng Anh căn bản 2** **T. Út – 4T**
	C					**Tiếng Anh căn bản 2** **T. Trung – 4T**		
6	S			**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Cầm – 4T** **(Lịch học thông báo sau)**				
	C							
7	S	**Tiếng Anh cơ bản 1** T. Tài – 4T						
	C		**Tiếng Anh cơ bản 1** **T. Đồng – 4T**					

		19DGDMN	18DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3
2	S				
	C				
3	S				
	C	**Tiếng Anh căn bản 2** **T. Bảo – 4T**			
4	S				

	C		**Văn học thiếu nhi** **T. Ngọc -4T**		
5	S				
	C				**Văn học thiếu nhi** **T. Ngọc -4T**
6	S				
	C				
7	S				
	C			**Văn học thiếu nhi** **T. Ngọc -4T**	

		20DGDTH1	20DGDTH2	20DGDTH3	20DGDTH4	20CGDMN1	20CGDMN2	20CGDMN3
2	S							
	C							
3	S							**Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin** T. Phương -4T
	C							
4	S					**Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin** C. Thoảng – 4T GĐ5		
	C							
5	S	**Triết học Mác – Lênin** T. Phương – 4T **GĐ5**						
	C							**Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin** T. Phương -4T
6	S			**Triết học Mác – Lênin**				

				T. Phương – 4T **GĐ5**				
	C							
7	**S**					**Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin** C. Thoảng – 4T		
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027
Áp dụng từ ngày 05/10/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN

		18DNTTS-25 18DNTCNC-26 18DBVTV-10 18DKHMT-4 18DCNTY-12	**19DCNTY**	**20DKHMT + 20DBVTV**	**20DNTCNC**	**20DCNTY**	**20DNTCNC 20DCNTY 20DKHMT + 20DBVTV**
2	**S**		**Tiếng Anh căn bản 3 T. Nghĩa - 4T**				
	C						
3	**S**						
	C	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam** T. Phước – 4T					
4	**S**						
	C						
5	**S**						
	C					**Tiếng Anh cơ bản 1** T. Đồng – 4T	
6	**S**			**Tiếng Anh cơ bản 1 T. Hải – 4T**			

	C				**Tiếng Anh cơ bản 1** T. Tài – 4T		
7	S						**Triết học Mac – Lênin** **T. Khang – 4T**
	C						

		19DBVTV-20 19DKHMT-12	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2	19DNTCNC-36 19DBVTV-20 19DCNTY-21 19DKHMT-12	20DNTTS1 + 20DNTTS2	20DNTTS1	20DNTTS2
2	S			**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Trung – 4T**					
	C								
3	S				**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Ngân – 4T**				
	C								
4	S								
	C								
5	S			**CNXH khoa học** C. Cẩm Lệ - 4T (Lịch học thông báo sau)				**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Ngân – 4T**	
	C								
6	S	**Tiếng Anh căn bản 3** **C. Ý – 4T**	**Tiếng Anh căn bản 3** **T. Bảo – 4T**						**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Bích – 4T**
	C								
7	S							**Tiếng Anh cơ bản 1** **C. Ngân – 4T**	

	C					**CNXH khoa học** C. Cẩm Lệ - 4T	**Triết học Mac – Lênin** **T. Khang – 4T**		

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	**Lãnh đạo Khoa**			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	**Trưởng khoa**
II	**Văn phòng Khoa**			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	**Bộ môn Lí luận chính trị**			
3	Diệp Kiều Trang	0918663148	dktrang@blu.edu.vn	**Trưởng Bộ môn**
4	Sơn Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	**Bộ môn Ngoại ngữ**			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	**Trưởng Bộ môn**
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	**Phó Trưởng Bộ môn**
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoai@blu.edu.vn	
20	Sầm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
23	Châu Vĩnh Thành	0907187084		
V	**Bộ môn Việt Nam học**			
24	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	**Trưởng Bộ môn**
25	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
26	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
27	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	lttvan@blu.edu.vn	
28	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
29	Phạm Thị Kiều Trân	0949960603	ptktran@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	